

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17/06/2025

V/v: “Tranh chấp HNGĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG- TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Kiên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hào và ông Trần Văn Luyện.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hợi- Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 27/6/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXX - ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị N, Sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, S năm 1989

Nơi ĐKKHKT: Xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ hiện nay: Trung tâm C, Thị trấn T, huyện T, Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 02 năm 2025 và ý kiến trình bày tại bản tự khai nguyên đơn là chị Ngô Thị N trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Chị và anh Nguyễn Duy T kết hôn với nhau vào ngày 29/7/2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ trên tinh thần tự nguyện, có tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau tình cảm. Tuy nhiên đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do anh T sa vào tệ nạn xã hội, nghiện ma túy, đã được tôi khuyên can và cho anh T nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh T vẫn không thay đổi và mâu thuẫn càng về sau càng trở nên trầm trọng. Đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm cho đến nay. Hiện tại anh T đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số C tại huyện T, Nghệ An Nay mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị Ngô Thị N làm đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

- Về con chung: Chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Duy T có 01 người con chung là Nguyễn Duy Gia T1, sinh ngày 30/10/2013. Nay ly hôn nguyện vọng của chị N là được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị N không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. *Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Duy T:* Anh Nguyễn Duy T hiện tại đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 3 có địa chỉ tại Thị trấn T, huyện T, Nghệ An, quá quá trình tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ, TAND huyện Tương Dương đã tiến hành lấy lời khai đối với anh T và có ý kiến như sau:

- Về quan hệ tình cảm: Anh Nguyễn Duy T kết hôn với chị Ngô Thị N nhau vào ngày 29/7/2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ trên tinh thần tự nguyện, có tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau tình cảm. Tuy nhiên đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh T thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh sa vào tệ nạn xã hội, nghiện ma túy và hiện nay anh đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số C tại huyện T, Nghệ An. Nay mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị Ngô Thị N làm đơn yêu cầu ly hôn anh T đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung Nguyễn Duy Gia T1, sinh ngày 30/10/2013. Nay ly hôn anh T có nguyện vọng giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và xin được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt bảo đảm quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tại Điều 239 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Quá trình điều tra thu thập chứng cứ, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn; và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

- Án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều Điều 28, 35, 39, 147 BLTTDS; Điều 9, 14, 51, 53, Khoản 1 Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Về quan hệ tình cảm: Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị N đối với anh Nguyễn Duy T. Về con chung: Giao người con chung là cháu Nguyễn Duy Gia T1, sinh ngày 30/10/2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T. Về tài sản và khoản nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Ngô Thị N yêu cầu giải quyết về ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự do vậy Toà án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Duy T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ 228 - BLTTDS để xét xử vắng mặt chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Duy T.

[2] Về nội dung tranh chấp và căn cứ khởi kiện:

[2.1] Về nội dung tranh chấp: Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau vào ngày 29/7/2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ trên tinh thần tự nguyện, có tìm hiểu. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của chị N và tại biên bản lấy lời khai đối với anh T đều thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau tình cảm, tuy nhiên đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T sa vào tệ nạn ma túy, chị N đã tạo cơ hội cho anh T sửa chữa nhưng không được và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, cắt đứt về mối quan hệ tình cảm. Hiện nay anh đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số C tại huyện T, Nghệ An. Nay chị Ngô Thị N xét thấy không còn tình cảm nữa nên đề nghị được ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Duy T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn theo yêu cầu của chị N. Về con chung thì chị N và anh T thống nhất có 01 người con chung tên là Nguyễn Duy Gia T1, sinh ngày 30/10/2013, nay ly hôn chị Ngô Thị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung là cháu Nguyễn Duy Gia T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Duy T đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, cháu Nguyễn Duy Gia T1 cũng có đơn đề nghị được ở với mẹ là chị N. Về tài sản chung và các khoản nợ: Hiện tại chị N và anh T không có yêu cầu giải quyết tự thỏa thuận giải quyết.

[2.2] Về căn cứ khởi kiện: Tại các biên bản hòa giải, bị đơn thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị N. Đồng thời vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn vì có cơ sở.

Xét thấy: Tại phiên tòa, Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên qua bản tự khai cả hai vợ chồng đều thừa nhận đã không còn tình cảm với nhau, điều đó chứng tỏ vợ chồng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N và anh T đều có nguyện vọng được ly hôn. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T hiện tại không còn, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N và anh T để mỗi người có cuộc sống riêng. Đối với yêu cầu nuôi con chung thì cả hai đều thống giao người con chung là cháu Nguyễn Duy Gia T1 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi nên cần giao cháu Nguyễn Duy Gia T1 cho chị N trực tiếp chăm

sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T do chị N chưa có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53 Khoản 1 Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Duy T

[2]. Về con chung: Giao người con chung là cháu Nguyễn Duy Gia T1, sinh ngày 30/10/2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Duy T có quyền và nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản và các khoản nợ: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về án phí: Chị Ngô Thị N phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được tính trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Ngô Thị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo biên lai thu tiền số 0033658 ngày 11/4/2025.

[5]. Về quyền kháng cáo bản án: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đô Lương
- Chi cục THADS huyện Đô Lương
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương
- Lưu hồ sơ vụ

Phan Văn Kiên